

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07-9-2023

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Vượng

Bà Phạm Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1997. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ D, ấp G, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1991. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Đ - S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại bản tự khai ngày 05/7/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai T trình bày:

Chị T1 với anh Nguyễn Minh H sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước năm 2016. Hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H nghiện cờ bạc, nghiện ma túy rồi bỏ bê vợ con không chăm lo làm ăn khiến cho hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2019, chị T đã mang theo người con út đi khỏi nhà chồng, không còn chung sống với anh H từ đó cho đến nay. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

Về con chung: Hai vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hiếu C sinh ngày 01/6/2013, Nguyễn Thị Thanh T2 sinh ngày 01/7/2014 và Nguyễn Thị Diệu N, sinh ngày 19/4/2019. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Diệu N, để anh H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Thị Hiếu C và Nguyễn Thị Thanh T2, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh H không đến Tòa làm việc nên không thu thập được lời khai của anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị T, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị T có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt không lý do. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt chị T và anh H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của chị T cùng giấy chứng nhận kết hôn, thấy rằng: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2016. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T thì hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 nhưng do anh H nghiện cờ bạc, ma túy, không chăm lo làm ăn, không lo cho vợ con

khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù không có căn cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai bên nhưng theo lời khai của chị T thì hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019, lời khai này phù hợp với lời của cháu C và cháu T2. Như vậy có cơ sở xác định chị T và anh H đã không còn chung sống, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên không cần thiết kéo dài cuộc hôn nhân này. Yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh H có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Hiếu C sinh ngày 01/6/2013, Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 01/8/2014 và Nguyễn Thị Diệu N, sinh ngày 19/4/2019. Hiện nay, cháu N đang do chị T chăm sóc, cháu C và cháu T2 đang do mẹ của anh H chăm sóc, cháu C và cháu N có nguyện vọng được ở với anh H và bà nội. Xét thấy, mặc dù anh H không thường xuyên có mặt tại địa phương, không thường xuyên ở bên cạnh cháu C và cháu T2 nhưng theo lời khai của cháu C và cháu T2 thì anh H thỉnh thoảng có về thăm nhà, thường xuyên gửi tiền về nuôi 02 cháu, từ lâu 02 cháu đã ở với bà nội mà không ở cùng chị T, chị T có nguyện vọng muốn nuôi cháu N còn để cháu C và cháu T2 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để không làm thay đổi môi trường sống ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của con chung cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu C và cháu T2 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mai T và anh Nguyễn Minh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 15/6/2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Diệu N sinh ngày 19/4/2019 cho chị Nguyễn Thị Mai T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Thị Hiếu C sinh ngày 01/6/2013, Nguyễn Thị Thanh T2 sinh ngày 01/8/2014 cho anh Nguyễn Minh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Mai T phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014651 ngày 20/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

- Lưu HS;

Nguyễn Thị Minh Hải